TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/DS-PT
Ngày: 17 - 4 - 2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Bà Quách Tố Giang

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2017/DS-ST, ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2018/QĐPT-DS ngày 05/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG.

Địa chỉ: Tổ 03, ấp TĐ, xã TT, huyện TG, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Thành K – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông K ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968; cư trú: Tổ 03, ấp TL, xã TT, huyện TG, tỉnh An Giang; chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 01/01/2018, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1975; ông Huỳnh Quan Th, sinh năm 1973, cùng cư trú: Tổ 02, ấp TA, xã TT, huyện TG, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2017, bản tự khai và các biên bản hòa giải, đại diện của nguyên đơn Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG là ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Thời gian từ tháng 09/2016 đến tháng 04/2017 vợ chồng bà Tr, ông Th có thỏa thuận mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Hợp tác xã Vinacam TG với hình thức thanh toán trả theo mùa vụ. Tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2017 vợ chồng bà Tr, ông Th còn nợ 2.992.932.500đ (*Bảng xác nhận nợ với Huỳnh Quan Th*) sau đó bà Tr trả được 1.423.929.500đ, hiện tại còn nợ lại số tiền 1.569.003.000đ đến nay chưa trả mặc dù Hợp tác xã có nhắc nhở nhiều lần nhưng bà Tr, ông Th không thực hiện. Nay Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG yêu cầu bà Tr, ông Th có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền 1.569.003.000đ, không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 13 tháng 10 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 27 tháng 11 năm 2017:

Bà Tr cùng chồng là Huỳnh Quan Th thừa nhận có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG. Sau khi kết sổ thì bà còn nợ lại số tiền 2.992.932.500đ đến ngày 03 tháng 7 năm 2017 bà và ông Th đã trả được 1.423.929.500đ, nay còn nợ lại Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đ. Do hiện nay vợ chồng ông bà gặp nhiều khó khăn về việc thu nợ từ các hộ nông dân nên không có khả năng thanh toán một lần hết số nợ cho HTX Vinacam TG nên bà Tr, ông Th xin chia làm nhiều đợt trả, mỗi vụ mùa trả 25.000.000đ cho đến khi hết số nợ 1.569.003.000đ.

- Bị đơn ông Huỳnh Quan Th trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 27 tháng 11 năm 2017: Ông Th thống nhất với nội dung trình bày của bà Tr và thừa nhận còn nợ tiền mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật của Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đ, đồng thời ông cũng xin trả dần mỗi vụ mùa trả 25.000.000đ cho đến khi hết số nợ 1.569.003.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST, ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TG đã tuyên xử:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 288; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

- Buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Huỳnh Quan Th cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đ (*Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng 12 năm 2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Tr và ông Huỳnh Quan Th làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST, ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TG với lý do Bản án sơ thẩm chưa xem xét khách quan, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hợp tác xã Vinacam TG vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nêu yêu cầu kháng cáo cụ thể: Đồng ý trả cho Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đồng, nhưng về phương thức thanh toán yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG cho trả dần số tiền 1.569.003.000đồng làm hai đợt như sau: Đợt một trả vào ngày 17/7/2018 số tiền 784.501.500đồng, đợt hai trả vào ngày 17/10/2018 số tiền 784.501.500đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Các bị đơn thừa nhận còn nợ Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đồng, yêu cầu được thanh toán số tiền 1.569.003.000đồng làm hai đợt, đợt 1 trả vào ngày 17/7/2018 số tiền 784.501.500đồng, đợt 2 trả vào ngày 17/10/2018 số tiền 784.501.500đồng, yêu cầu của các bị đơn được phía Hợp tác xã Vinacam TG chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các phần khác của Bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Thị Tr và Huỳnh Quan Th:

Hợp đồng mua bán giữa Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã Vinacam TG) với ông Th, bà Tr tuy không lập thành văn bản, nhưng các đương sự đều thừa nhận có xác lập hợp đồng mua bán với nhau, loại hàng hóa mua bán là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Hợp đồng mua bán giữa các đương sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, trong quá trình mua bán các bên có ghi chép sổ sách theo dõi. Ngày 29/4/2017 ông Huỳnh Quan Th có ký vào Bảng xác nhận nợ với Hợp tác xã Vinacam số tiền là 2.992.932.500đồng, sau đó ông Th, bà Tr đã trả cho Hợp tác xã Vinacam TG được 1.423.929.500đồng, còn nợ lại 1.569.003.000đồng, nhưng chưa thanh toán làm ảnh

hưởng đến quyền lợi ích của Hợp tác xã Vinacam TG. Do đó Hợp tác xã Vinacam TG khởi kiện yêu cầu bà Tr, ông Th phải trả nợ là phù hợp, tại cấp sơ thẩm các bị đơn yêu cầu được trả mỗi vụ mùa trả 25.000.000đồng cho đến khi hết số nợ 1.569.003.000đồng, nhưng yêu cầu của các bị đơn không được phía Hợp tác xã Vinacam TG đồng ý, do đó cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th, bà Tr thừa nhận có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Hợp tác xã Vinacam TG, hiện còn nợ 1.569.003.000đ đồng ý trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đồng, nhưng có yêu cầu trả dần làm hai đợt như sau: Đợt 1 trả vào ngày 17/7/2018 số tiền 784.501.500đồng, đợt 2 trả vào ngày 17/10/2018 số tiền 784.501.500đồng, yêu cầu xin trả dần của ông Th, bà Tr được phía Hợp tác xã Vinacam TG chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm như sau: Buộc ông Th, bà Tr phải trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đồng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phương thức trả nợ như sau:

Đợt một ông Th, bà Tr trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 784.501.500đồng vào ngày 17/7/2018.

Đợt hai ông Th, bà Tr trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 784.501.500đồng vào ngày 17/10/2018.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội các bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Quan Th và bà Nguyễn Thị Tr.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST, ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện TG.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG .

Buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Huỳnh Quan Th cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG số tiền 1.569.003.000đ (*Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phương thức trả số tiền 1.569.003.000đ như sau:

Đợt một ông Th, bà Tr trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 784.501.500đồng vào ngày 17/7/2018.

Đợt hai ông Th, bà Tr trả cho Hợp tác xã Vinacam TG số tiền 784.501.500đồng vào ngày 17/10/2018.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tr, ông Huỳnh Quan Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.070.090đồng.

Hợp tác xã nông nghiệp Vinacam TG được nhận lại 29.535.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018025 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tr được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018302 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG.

Ông Huỳnh Quang Th được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018301 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND - AG;
- TAND – TG;
- THA – TG;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng